TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1236/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Thị Ngọc Liên**

2. Bà **Hoàng Thị Thanh Loan**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Duy Tuấn –** Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2017/TLST-HN ngày 21 tháng 02 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3543/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Dương Quốc Nhã T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: 300/3 đường V, phườngP, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Ông **Wang Chen T,** sinh năm 1955

Địa chỉ: số 219/3/15/4F lộ B, đoạn 7, khóm 20, phường V, khu B, thành phố Đ, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 16/01/2017 và các bản tự khai, nguyên đơn bà Dương Quốc Nhã T trình bày:

Bà quen biết với ông Wang Chen T vào đầu năm 2012; sau đó hai bên tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 1808 quyển số 10 ngày 25/6/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn một tuần, ông Wang Chen T quay về Đài Loan còn bà ở lại làm thủ tục để công nhận kết hôn sang Đài Loan theo chồng. Đến tháng 9/2012, ông Wang Chen T trở lại Việt Nam để cùng bà đi phỏng vấn xin visa qua Đài Loan. Tuy nhiên việc phỏng vấn không thành công nên vợ chồng xảy ra cự cãi.

Ông Wang Chen T cho rằng bà không sốt sắng học tiếng phổ thông nên phỏng vấn không thành công, không chịu học hỏi văn hóa truyền thống của Đài Loan. Vì cãi nhau nên ông Wang Chen T bỏ về nước. Cuối năm 2012, Văn phòng Văn hóa – Kinh tế Đài Bắc yêu cầu vợ chồng tiến hành tiếp thủ tục để đi Đài Loan nhưng ông Wang Chen T không qua Việt Nam làm thủ tục, bà cũng vì thế không đến Đài Loan sống cùng chồng được. Từ đó cho đến nay, hai bên cũng không có ý định làm tiếp thủ tục để được cấp visa. Bà cảm thấy không còn tình cảm đối với chồng, không muốn tiếp tục đời sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông Wang Chen T cư trú ở Đài Loan, Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, đã gửi Thông báo về việc thụ lý và xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 93/UTTPDS-TA ngày 15/5/2017. Theo nôi dung tại Thông báo nêu trên thì thời gian mở phiên tòa lần 1 vào lúc 8g00 ngày 27/7/2018, thời gian mở phiên tòa lần 2 vào lúc 8g00 ngày 26/10/2018. Văn bản đã được Bộ Tư pháp gửi đến Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan ngày 27/10/2017. Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 22/01/2018 bằng phương thức chuyển cho người sống chung cùng đương sự. Ngày 29/12/2017, ông Wang Chen T có lời khai và xin vắng mặt khi xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Dương Quốc Nhã T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thủ tục ủy thác tư pháp, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Dương Quốc Nhã T được ly hôn ông Wang Chen T. Con chung: không có. Tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Dương Quốc Nhã T đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Wang Chen T cư trú tại Đài Loan; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 465; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn bà Dương Quốc Nhã T và bị đơn ông Wang Chen T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Dương Quốc Nhã T và ông Wang Chen T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2012, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 1808 Quyển số 10 ngày 25/6/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của bà Dương Quốc Nhã T thì sau khi kết hôn khoảng 01 tuần ông Wang Chen T quay trở về Đài Loan. Sau đó hai bên vẫn liên lạc với nhau để làm thủ tục cho bà sang Đài Loan chung sống với chồng. Đến tháng 9/2012, ông Wang Chen T sang Việt Nam cùng bà đi phỏng vấn xin visa đến Đài Loan không đạt được thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ngôn ngữ, không thực sự hiểu và thông cảm cho nhau, ông Wang Chen T cho rằng bà không muốn tìm hiểu học hỏi văn hóa truyền thống của Đài Loan và không tích cực trong việc học tiếng phổ thông nên phỏng vấn không thành công. Ngay sau đó ông Wang Chen T bỏ về Đài Loan.Từ khi về Đài Loan ông Wang Chen T không sang Việt Nam và vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân nên có yêu cầu ly hôn. Tại Đơn xin vắng mặt khi xét xử đề ngày 29/12/2017, ý kiến ông Wang Chen T cũng đồng ý ly hôn với bà Dương Quốc Nhã T.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T.

Về con chung: Đôi bên xác nhận không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Đôi bên xác nhận không có.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 465; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Quốc Nhã T được ly hôn ông Wang Chen T.

Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số 1808 quyển số 10 ngày 25/6/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Dương Quốc Nhã T nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cấn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp tại Biên lai thu số AA/2016/0031996 ngày 10/02/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Dương Quốc Nhã T và bị đơn ông Wang Chen T; bà Dương Quốc Nhã T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Wang Chen T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung